Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 139/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe cơ giới); quản lý, hoạt động và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, hoạt động, kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện kiểm định xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm định xe cơ giới (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra lần đầu và định kỳ về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

2. Giấy Chứng nhận kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) là các tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới là chứng chỉ xác nhận đơn vị đăng kiểm đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

5. Đăng kiểm viên là người có đủ trình độ, kỹ năng được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên để thực hiện một phần hoặc toàn bộ việc kiểm định xe cơ giới. Đăng kiểm viên gồm hai hạng: Đăng kiểm viên xe cơ giới và đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

6. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định là người có đủ trình độ, kỹ năng được cấp Chứng chỉ nhân viên nghiệp vụ để thực hiện công việc: Nhận, trả, lưu trữ hồ sơ, nhập dữ liệu, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định và in chứng chỉ kiểm định.

7. Phụ trách dây chuyền là người có đủ trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm trong công tác kiểm định xe cơ giới để đảm bảo việc kiểm định xe cơ giới trên dây chuyền kiểm định thỏa mãn các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định.

8. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí các vị trí, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ, dụng cụ kiểm tra.

9. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí vị trí kiểm định, lắp đặt các thiết bị kiểm tra. Dây chuyền kiểm định gồm có hai loại:

a) Dây chuyền kiểm định loại I là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg.

b) Dây chuyền kiểm định loại II là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg.

Điều 4: Nguyên tắc hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới

1. Chỉ những tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa xe cơ giới. Tính độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính được hiểu như sau:

a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa xe cơ giới không nắm giữ cổ phần hoặc góp vốn trên 10% của tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương II
ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 5. Điều kiện chung

Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định

1. Mặt bằng đơn vị đăng kiểm là nơi dùng để bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng một khu đất, có diện tích được quy định như sau:

a) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m^2;

b) Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m^2;

c) Đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m^2;

d) Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m^2.

2. Xưởng kiểm định

a) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);

b) Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);

c) Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;

d) Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đảm bảo kiểm tra được đầy đủ các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe cơ giới tham gia giao thông để đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

Điều 7. Điều kiện về nhân lực

Nhân lực trong đơn vị đăng kiểm phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó có ít nhất một đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Có phụ trách dây chuyền kiểm định. Mỗi phụ trách dây chuyền kiểm định chỉ được phụ trách tối đa hai dây chuyền kiểm định.

3. Có lãnh đạo đơn vị đăng kiểm và nhân viên nghiệp vụ đáp ứng các quy định tại Nghị định này.

Chương III
CẤP, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Danh sách trích ngang kèm theo bản sao được chứng thực hợp đồng lao động theo quy định hoặc quyết định tiếp nhận đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định; quyết định bổ nhiệm đối với phụ trách dây chuyền kiểm định; quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (nếu có);

c) Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà xưởng có bố trí các dây chuyền và thiết bị kiểm tra;

đ) Tài liệu về bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, cách thức thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

a) Trong vòng 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho tổ chức về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo cho tổ chức bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do;

b) Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế. Kết quả đánh giá được lập thành Biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc để tổ chức khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác. Thành phần hồ sơ đối với từng hình thức tiếp nhận phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do bị thu hồi được thực hiện như cấp lần đầu theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

2. Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng thì đơn vị đăng kiểm gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ là giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được cấp lại và hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp bị mất, hỏng.

3. Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động thì phải thông báo cho Cục Đăng kiểm Việt Nam (kèm theo bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia). Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc để tổ chức khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

4. Đối với trường hợp thay đổi về nhân sự làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền được hoạt động thì phải thông báo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 10. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

1. Đơn vị đăng kiểm bị tạm đình chỉ từng dây chuyền kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Không đảm bảo một trong các điều kiện, yêu cầu, quy định tại Nghị định này và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm;

b) Có 02 lượt đăng kiểm viên bị tạm đình chỉ trong thời gian 12 tháng liên tục;

c) Phân công đăng kiểm viên kiểm định không phù hợp nội dung giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

2. Đơn vị đăng kiểm bị tạm đình chỉ toàn bộ hoạt động kiểm định xe cơ giới từ 01 tháng đến 03 tháng một trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định, thẩm quyền;

b) Có từ 03 lượt đăng kiểm viên trở lên bị tạm đình chỉ hoặc từ 02 đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục;

c) Có từ 02 lượt dây chuyền bị tạm đình chỉ trở lên trong thời gian 12 tháng liên tục;

d) Thực hiện kiểm định khi tình trạng thiết bị kiểm tra đã bị hư hỏng, không bảo đảm tính chính xác, chưa được kiểm tra, đánh giá theo quy định.

3. Tùy theo trường hợp và mức độ vi phạm, các đơn vị đăng kiểm còn bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Đơn vị đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong một các trường hợp sau:

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được cấp do gian lận, làm giả các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

3. Ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới quá 12 tháng liên tục.

4. Bị tạm đình chỉ toàn bộ hoạt động kiểm định xe cơ giới quá hai lần trong thời gian 12 tháng liên tục.

5. Có từ 05 lượt đăng kiểm viên trở lên bị tạm đình chỉ hoặc từ 03 đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục.

6. Đơn vị đăng kiểm bị giải thể.

Điều 12. Trình tự tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Đơn vị đăng kiểm phải nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Cục Đăng kiểm Việt Nam (đối với trường hợp bị thu hồi), đồng thời dừng hoạt động kiểm định xe cơ giới ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

3. Đơn vị đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới chỉ được xem xét cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới sau 36 tháng kể từ ngày thu hồi.

4. Khi bị tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, lãnh đạo đơn vị đăng kiểm và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện việc kiểm định vẫn tiếp tục phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định do đơn vị mình đã cấp ra còn hiệu lực.

5. Khi bị tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, tổ chức, cá nhân có liên quan phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thủ tục ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Trường hợp dừng hoạt động đột ngột từ 01 ngày liên tục trở lên thì đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam nêu rõ lý do ngừng hoạt động và phương án khắc phục; thông báo tại phòng chờ cho chủ xe và duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về việc kiểm định.

2. Trường hợp đơn vị đăng kiểm đề nghị ngừng hoạt động đến 12 tháng liên tục.

a) Đơn vị đăng kiểm phải báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam bằng văn bản, nêu rõ lý do và thời gian ngừng hoạt động trước thời điểm ngừng hoạt động 30 ngày, đồng thời thông báo tại phòng chờ và trên các phương tiện thông tin đại chúng cho chủ xe được biết;

b) Phải duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về kiểm định.

3. Trường hợp đơn vị đăng kiểm đề nghị ngừng hoạt động trên 12 tháng liên tục.

a) Đơn vị đăng kiểm phải báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam bằng văn bản, nêu rõ lý do và thời gian ngừng hoạt động trước thời điểm ngừng hoạt động 30 ngày, đồng thời thông báo tại phòng chờ và trên các phương tiện thông tin đại chúng cho chủ xe được biết;

b) Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

c) Chuyển toàn bộ hồ sơ của xe cơ giới do đơn vị quản lý đến đơn vị đăng kiểm khác theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Chương IV
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Điều 14. Đăng kiểm viên

1. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới

a) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo đại học có các nội dung sau: Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu tính toán ô tô, Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Động cơ đốt trong và Điện ô tô hoặc các nội dung tương đương. Trường hợp không đầy đủ các các nội dung trên, có thể được đào tạo bổ sung tại các trường đại học;

b) Có tối thiểu 12 tháng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định;

c) Có kết quả đánh giá đạt yêu cầu nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Kết quả đánh giá được thể hiện trên Biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Có giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực.

2. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

a) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo đại học phải có đầy đủ các nội dung sau: Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu tính toán ô tô, Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Động cơ đốt trong và Điện ô tô hoặc các nội dung tương đương;

b) Là đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng;

c) Có kết quả đánh giá đạt yêu cầu nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Kết quả đánh giá được thể hiện trên Biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Người đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 14 của Nghị định này có quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên gồm:

a) Đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu và cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới sau khi bị thu hồi);

c) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học;

d) Văn bản xác nhận thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên của đơn vị đăng kiểm (đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới);

đ) Ảnh màu cỡ 4 cm x 6 cm, chụp kiểu thẻ căn cước, trong thời gian không quá 06 tháng.

2. Trình tự, cách thức thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và nộp đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới, việc nộp hồ sơ phải được thực hiện trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày hoàn thành thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu đạt yêu cầu thì thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên thời gian đánh giá thực hành nghiệp vụ trên dây chuyền kiểm định và đánh giá việc nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định; nếu không đạt thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên, kết quả đánh giá được ghi vào Biên bản đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đánh giá. Trường hợp đánh giá không đạt, tổ chức, cá nhân được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại sau 01 tháng kể từ ngày đánh giá;

d) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

3. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên có thời hạn hiệu lực là 36 tháng kể từ ngày cấp và theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 16. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Trong thời hạn 30 ngày trước khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực, đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên gửi đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên (kèm theo ảnh màu cỡ 4 cm x 6 cm, chụp kiểu thẻ căn cước, trong thời gian không quá 06 tháng) về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên tại đơn vị đăng kiểm nơi đăng kiểm viên làm việc, nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đánh giá, nếu không đạt thì ghi rõ nguyên nhân không đạt vào biên bản đánh giá đăng kiểm viên; đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại sau 01 tháng kể từ ngày đánh giá không đạt.

2. Trường hợp giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hỏng thì đăng kiểm viên gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên về Cục Đăng kiểm Việt Nam. Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, trong đó ghi rõ giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại và hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp bị mất, hỏng. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại có thời hạn hiệu lực không quá thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên cũ.

Điều 17. Tạm đình chỉ đăng kiểm viên

Đăng kiểm viên bị tạm đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng trong các trường hợp sau:

1. Làm sai lệch kết quả kiểm định.

2. Không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định.

Điều 18. Thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

Đăng kiểm viên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm một trong các khoản của Điều 17 của Nghị định này đến mức gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện.

2. Làm giả các hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

3. Bị tạm đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định từ 02 lần trong thời gian 12 tháng liên tục.

4. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

5. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

6. Không trực tiếp thực hiện công tác kiểm định hoặc hướng dẫn, đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên quá 12 tháng trở lên.

7. Cùng một thời điểm làm việc tại hai đơn vị đăng kiểm trở lên.

Điều 19. Trình tự tạm đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định, thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Đăng kiểm viên phải nộp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho Cục Đăng kiểm Việt Nam (đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên), đồng thời dừng việc tham gia kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

3. Đăng kiểm viên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên chỉ được xem xét cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới sau 36 tháng kể từ ngày thu hồi.

Điều 20. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định

1. Trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề.

2. Được tập huấn và cấp chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 21. Tạm đình chỉ nhân viên nghiệp vụ kiểm định

Nhân viên nghiệp vụ kiểm định bị tạm đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng trong các trường hợp sau:

1. Làm sai lệch hồ sơ trong kiểm định xe cơ giới.

2. Không tuân thủ đúng quy định, quy trình và các hướng dẫn có liên quan trong công tác kiểm định.

Điều 22. Trình tự tạm đình chỉ tham gia hoạt động nghiệp vụ kiểm định của nhân viên nghiệp vụ kiểm định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định tạm đình chỉ và thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

2. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định dừng việc tham gia hoạt động kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

Điều 23. Phụ trách dây chuyền kiểm định

1. Là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm định xe cơ giới của dây chuyền kiểm định mà mình phụ trách.

Điều 24. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm là người chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động kiểm định của đơn vị đăng kiểm và ký giấy chứng nhận kiểm định.

2. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phải là đăng kiểm viên xe cơ giới đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên tối thiểu 36 tháng được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quy định trong quá trình hoạt động của đơn vị đăng kiểm

1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định.

2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và dây chuyền kiểm định.

3. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, các khoản thu khác (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trong vòng 18 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, đơn vị đăng kiểm phải xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

5. Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định các nội dung về quy trình, nội dung kiểm định; biểu mức thu giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và nội dung các thông báo khác theo quy định.

6. Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định.

Điều 26. Số lượng xe cơ giới được kiểm định của đơn vị đăng kiểm

Số lượng xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận kiểm định trong ngày (tính trong 08 giờ làm việc) phải thỏa mãn đồng thời các quy định như sau:

1. Trường hợp một đăng kiểm viên kiểm tra một xe trên dây chuyền kiểm định thì số lượng xe không quá 20 xe; trường hợp nhiều đăng kiểm viên cùng kiểm tra một xe trên dây chuyền kiểm định thì số lượng xe không quá 20 lần số lượng đăng kiểm viên.

2. Không quá 90 xe đối với một dây chuyền kiểm định loại I và không quá 70 xe đối với một dây chuyền kiểm định loại II. Trường hợp dây chuyền kiểm định loại II chỉ sử dụng để kiểm định xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg thì số lượng xe kiểm định được áp dụng như đối với dây chuyền loại I.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định của Nghị định này; ban hành quy chuẩn quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan tại địa phương phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về việc kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới đối với các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn theo quy định của Nghị định này.

3. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm

a) Chịu trách nhiệm về sự hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Thông báo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam trước khi triển khai xây dựng đơn vị đăng kiểm.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định này về các điều kiện kinh doanh, quản lý và hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Định kỳ hàng năm, kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, dây chuyền kiểm định và hoạt động kiểm định; kiểm tra, đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra tại đơn vị đăng kiểm;

c) Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý kiểm định, cơ sở dữ liệu kiểm định trên cả nước, nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định;

d) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo đề nghị của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, cá nhân, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm xe cơ giới; tập huấn chuyên môn, nội dung, quy trình kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

đ) Xử lý, đề xuất xử lý vi phạm theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này;

e) Công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

5. Đơn vị đăng kiểm

a) Tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới; cử đăng kiểm viên tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kiểm định xe cơ giới;

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đảm bảo an toàn giao thông, đánh giá tình trạng kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới;

d) Đảm bảo thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở đơn vị đăng kiểm;

đ) Bàn giao đầy đủ hồ sơ lưu trữ liên quan đến xe cơ giới theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam khi giải thể đơn vị đăng kiểm hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên giấy.

2. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực. Các cá nhân đang trong quá trình tập huấn, thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên vẫn được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại thời điểm tập huấn.

3. Các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, các đăng kiểm viên đã được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, trừ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 29. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và thay thế Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b) pvc 205

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Số:.....

Hôm nay, ngày ... tháng... năm ... tại ....., Đoàn kiểm tra, đánh giá của Cục Đăng kiểm Việt Nam và ..... đã thống nhất các nội dung kiểm tra, đánh giá đơn vị đăng kiểm xe cơ giới ..... và kết luận như sau:

1. Diện tích mặt bằng của đơn vị đăng kiểm

.....

.....

2. Xưởng kiểm định

.....

.....

3. Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra

.....

.....

4. Đăng kiểm viên

.....

.....

5. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định

.....

.....

6. Phụ trách dây chuyền kiểm định

.....

.....

7. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm

.....

.....

8. Thực hiện quy trình kiểm định của đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên

.....

.....

9. Các quy định khác trong quy chuẩn lỹ thuật quốc gia:

.....

.....

10. Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

.....

.....

.....

Kết luận:

☐ Đơn vị đăng kiểm ..... đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Đơn vị đăng kiểm ..... không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm (hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm), một bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm	**Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Phụ lục II
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI
(Kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Số : .....

Căn cứ Nghị định số ..... /NĐ-CP ngày /8/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá đơn vị đăng kiểm xe cơ giới số .....ngày..... tháng.....năm....

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Cho: ..... Mã số:.....

Địa chỉ: .....

Số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động kiểm định: .....

Số lượng, loại dây chuyền kiểm định của đơn vị đăng kiểm: Số lượng:.....

- Dây chuyền số .....: Dây chuyền kiểm định loại .....
- Dây chuyền số .....: Dây chuyền kiểm định loại .....
- Dây chuyền số .....: Dây chuyền kiểm định loại .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: .....

Phụ lục III

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Sử dụng đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên lần đầu và cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau khi bị thu hồi)

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

1. Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:
2. Nơi sinh: Giới tính:
3. Quê quán:
4. Số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân:
5. Chỗ ở hiện nay:
6. Trình độ chuyên môn cao nhất:
7. Đơn vị công tác:
8. Đào tạo chuyên môn.

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm, đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

9. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới.

Tên lớp tập huấn	Địa điểm tập huấn	Từ ngày, tháng, năm, đến ngày, tháng, năm	Kết quả

10. Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm, đến tháng, năm	Chức danh	Chức vụ	Đơn vị công tác

11. Khen thưởng kỷ luật.

Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật *(đối với trường hợp bị kỷ luật)*	Cơ quan ra quyết định

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với điều kiện Đăng kiểm viên xe cơ giới…….....

Tôi tự xác định như sau:

- Về phẩm chất đạo đức:

- Về chuyên môn:

- Về trình độ nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

……, ngày……tháng……năm……
Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên
(Ký tên, đóng dấu, trừ trường hợp người đề nghị là cá nhân)

Phụ lục IV

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Đánh giá lần đầu: ☐ **Đánh giá lại:** ☐

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại ..... Chúng tôi gồm:

1. *Ông (bà):* .....;
2. *Ông (bà):* .....;
3. *Ông (bà):* .....;

Đã tiến hành đánh giá nghiệp vụ kiểm định của Ông (Bà)

.....

I. Kết quả đánh giá lý thuyết	**Đạt**	**Không đạt**
1) Văn bản pháp lý	☐	☐
2) Lý thuyết nghiệp vụ	☐	☐
II. Kết quả đánh giá thực hành	**Đạt**	**Không đạt**
1) Kiểm tra Công đoạn 1 và lập Hồ sơ phương tiện	☐	☐
2) Kiểm tra Công đoạn 2	☐	☐
3) Kiểm tra Công đoạn 3	☐	☐
4) Kiểm tra Công đoạn 4	☐	☐
5) Kiểm tra Công đoạn 5	☐	☐
6) Phân tích, đánh giá và chẩn đoán(*)	☐	☐

III. Lý do không đạt *(nếu có cần ghi rõ các lỗi)*

.....

.....

.....

IV. Yêu cầu khắc phục

.....

……

……

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm (hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm), một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam, một bản do người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên giữ.

Đơn vị đăng kiểm/ Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Đăng kiểm viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đánh giá viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(*) Chỉ áp dụng đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

Phụ lục V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

Số:.....

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Cấp cho Ông/Bà:

Ngày sinh:

Quê quán:

Hạng đăng kiểm viên:

Mã số đăng kiểm viên:

ĐƯỢC THỰC HIỆN KIỂM TRA CÁC CÔNG ĐOẠN
TRONG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI NHƯ SAU

Công đoạn 1 và Lập Hồ sơ phương tiện	Công đoạn 2	Công đoạn 3	Công đoạn 4	Công đoạn 5
☐	☐	☐	☐	☐

Giấy chứng nhận đăng kiểm viên này có giá trị hiệu lực từ ngày.../.../... đến hết ngày .../.../.... và hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp trước đây.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

(Ký tên, đóng dấu)